

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 7 - 2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Lương Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **V**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Bà **H**, Lãnh thổ Đài Loan. (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018 và đơn yêu cầu v/v giải quyết ly hôn và xét xử vắng mặt đề ngày 19/6/2018, nguyên đơn ông V trình bày:*** Vào năm 2015, qua giới thiệu ông quen biết với bà H, sau một thời gian tìm hiểu, cảm thấy hợp nhau nên hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016 ngày 28/01/2016 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, bà H có làm thủ tục để bảo lãnh ông sang Đài Loan để đoàn tụ gia đình nhưng phỏng vẫn không đạt và thời gian đầu bà H cũng thường sang Việt Nam thăm ông. Tuy nhiên, thời gian sau cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do hai người ở xa nhau, không gặp thường xuyên, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống và đến năm 2017 không còn liên lạc với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn tình cảm với nhau và hai người cũng không có điều kiện để đoàn tụ gia đình.

Nay nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với bà H là không đạt được, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nha về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà H.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của ông rất bận rộn, ông không thể sắp xếp thời gian để tham gia suốt quá trình giải quyết vụ án được. Do đó, ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Theo đơn yêu cầu v/v Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 13/6/2018, bị đơn bà H trình bày:** Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau thì bà thống nhất theo lời trình bày của ông V như trên. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và ông V cũng đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì bà có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông V.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của bà rất bận rộn, bà thường xuyên đi làm vắng nhà, không thể sắp xếp thời gian để tham gia giải quyết ly hôn với ông V nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông V yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà H; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông V và bị đơn bà H đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều

228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông V và bị đơn bà H.

[3] Ngày 13/6/2018 và ngày 19/6/2018 lần lượt bị đơn bà H và nguyên đơn ông V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà H là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/01/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, bà H trở về Đài Loan sinh sống, có làm thủ tục để bảo lãnh ông V sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông V phớt lờ không đạt. Mặc dù, thời gian đầu bà H cũng thường xuyên sang Việt Nam thăm ông V, tuy nhiên do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm cũng ngày càng phai nhạt, tính cách, quan điểm sống cũng không còn phù hợp với nhau, do sống xa cách nên giữa hai người cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng ông V và bà H không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo ông V yêu cầu ly hôn với bà H thì bà H cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông V xin được ly hôn với bà H là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho ông V được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Ông V và bà H đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Ông V và bà H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V được ly hôn với bà H.
- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003038 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện A;
- Lưu HSVA-TDS.

Phạm Hùng Nuôi